

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KIỂM TOÁN CĂN BẢN**

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

Ngành: Kiểm toán

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **KIỂM TOÁN CĂN BẢN**
 - + Tiếng Việt: Kiểm toán căn bản
 - + Tiếng Anh: Auditing Fundamental
- Mã học phần: DKT.02.03
- Đối tượng học: Sinh viên chính quy ngành Kiểm toán
- Số tín chỉ: 3 TC
- Vị trí của học phần trong CTĐT^[2]

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức chuyên ngành		<input type="checkbox"/> Thực tập/khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	

- Học phần tiên quyết^[3]: Kế toán tài chính 1,2
- Học phần học trước^[4]: Kế toán tài chính 1,2
- Học phần song hành^[5]:
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động^[6]: 150 giờ
 - + Nghe giảng lý thuyết, bài tập: 39 giờ
 - + Thực hành, thảo luận, hoạt động nhóm: 6 giờ
 - + Kiểm tra: 3 giờ
- Hoạt động khác (tự học, nghiên cứu, tham quan trải nghiệm^[7]): 102 giờ
- Viện/Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, viện Kế toán Kiểm toán
- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):
 - 1) Họ và tên: TS. Hoàng Văn Tường
Chức danh: Viện trưởng Viện Kế toán Kiểm toán
Thông tin liên hệ: ĐT: 0982951768 ; Email: hoangvantuong@fbu.edu.vn
 - 2) Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Chức danh: Giảng viên
Thông tin liên hệ: ĐT: 035.5507.888 ; Email: ngoc27198@gmail.com

2. Mô tả học phần^[8]

Học phần Kiểm toán căn bản thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho người học những nội dung cơ bản chủ yếu trên góc độ lý luận về khái niệm, lịch sử hình thành, đối tượng, phạm vi và sự cần thiết khách quan của kiểm toán trong nền kinh tế thị trường; phân loại hoạt động kiểm toán theo các tiêu chí khác nhau; một số thuật ngữ sử dụng trong lĩnh vực kiểm toán như sai sót, trọng yếu, cơ sở dẫn liệu, bằng chứng kiểm toán, rủi ro kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ; phương pháp và quy trình kiểm toán; kỹ thuật chọn mẫu trong kiểm toán và các loại ý kiến kiểm toán; tiêu chuẩn của kiểm toán viên hành nghề. Từ đó, người học có thể liên hệ đến lĩnh vực chuyên môn và bước đầu xác định được những nội dung có liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp riêng.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu học phần ^[9]	Mô tả mục tiêu học phần ^[10] Học phần nhằm cung cấp cho người học:
CSO 1.1	Khái quát hóa lý luận kiểm toán căn bản gồm bản chất, quy trình, phương pháp, công tác kiểm toán tạo cơ sở để người học tiếp tục nghiên cứu thực tiễn kiểm toán.
CSO 2.1	Có kỹ năng phát hiện, xử lý và phản biện các vấn đề về lý thuyết kiểm toán; giao tiếp tốt và chủ động giải quyết những tình huống liên quan tới kiểm toán căn bản.
CSO 3.1	Tuân thủ quy định chung trong học tập; chủ động và có trách nhiệm với quá trình học tập; tự tin theo đuổi mục tiêu học tập chuyên ngành. Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra của học phần - CLO (Course Learning Outcomes)

Mục tiêu học phần ^[9]	CĐR học phần ^[11]	Mô tả chuẩn đầu ra học phần ^[12] <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CĐR của CTĐT ^[13]	Mức độ ^[14]
<i>CĐR về kiến thức:</i>				
CSO1.1	CLO1.1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về kiểm toán, bao gồm: nội dung cơ bản và nâng cao của các khái niệm, các vấn đề về kiểm toán; phân biệt được các kỹ thuật, phương pháp và các loại ý kiến kiểm toán; trình bày được trình tự của một cuộc kiểm toán và có khả năng tự nghiên cứu nội dung khác có liên quan;	PLO 1.3	3
<i>CĐR về kỹ năng:</i>				
CSO2.1	CLO 2.1	Phát triển các kỹ năng chuyên sâu như kỹ năng phân tích dữ liệu nhằm xử lý, giải quyết các tình huống cụ thể trong công tác kiểm toán tại các đơn vị, từ đó hình thành kỹ năng tư duy phản biện.	PLO 2.2	2
	CLO 2.2	Thể hiện kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức kiểm toán để dùng vào những mục đích riêng, đặc biệt ứng dụng vào hoạt động nghề nghiệp của mình.	PLO 2.2	2

Mục tiêu học phần ^[9]	CDR học phần ^[11]	Mô tả chuẩn đầu ra học phần ^[12] <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CDR của CTĐT ^[13]	Mức độ ^[14]
<i>CDR về kiến thức:</i>				
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i>				
CSO 3.1	CLO 3.1	Thể hiện ý thức kỷ luật, có tinh thần hợp tác trong nhóm và trong lớp.	PLO3.1	2
	CLO 3.2	Thể hiện thái độ tự chủ, độc lập khi đưa ra ý kiến thảo luận và kết luận chuyên môn; có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn.	PLO3.2 PLO3.3	2

Mức độ đóng góp:

1: Introduce (Giới thiệu) 2: Reinforce (Củng cố) 3: Master (Thành thạo)

5. Học liệu^[15]

5.1. Tài liệu chính:

1. ThS. Đậu Ngọc Châu; PGS.TS Giang Thị Xuyên, (2016): *GT Lý thuyết Kiểm toán*. NXB Thống kê;

5.2. Tài liệu tham khảo

- Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán quốc tế
- Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, Bộ Tài Chính
- Luật Kiểm toán độc lập, Quốc hội khoá 13, 2011

6. Các phương pháp dạy và học áp dụng cho học phần

<input checked="" type="checkbox"/>	Thuyết trình tích cực	<input checked="" type="checkbox"/>	Tổ chức học tập theo nhóm	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Dự án/Đề án
<input checked="" type="checkbox"/>	Giải quyết vấn đề	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo	<input type="checkbox"/>	Thí nghiệm	<input type="checkbox"/>	Mô phỏng
<input type="checkbox"/>	Tiểu luận/Bài tập lớn	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>	Thực tập	<input checked="" type="checkbox"/>	Tự học có hướng dẫn
<input type="checkbox"/>	Phương pháp khác	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Thuyết giảng		

7. Nội dung chi tiết học phần

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học (tiết)	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TH, TL				
Bài 1	Chương 1. Khái quát chung về kiểm toán	2			1	6	CLO 1.1 CLO 3.2	Thuyết giảng; Phát vấn	Ở nhà: (1)SV đọc và

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học (tiết)	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TH,TL				
	<p>1.1– Sự cần thiết của kiểm toán</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Làm rõ nhu cầu của hoạt động thẩm định lại những thông tin do một đơn vị cung cấp</i> - <i>Xác định hoạt động kiểm toán nói chung: Khái niệm về kiểm toán và nội dung các yếu tố trong khái niệm</i> <p>1.2 –Quá trình hình thành và phát triển của Kiểm toán</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Làm rõ lịch sử hình thành kiểm toán</i> - <i>Giới thiệu lịch sử phát triển của kiểm toán trên thế giới và ở Việt Nam</i> <p>1.3. Chức năng, đối tượng, chủ thể và khách thể của kiểm toán.</p> <p>1.3.1. Chức năng của kiểm toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Trình bày các chức năng cơ bản của kiểm toán</i> <p>1.3.2. Đối tượng của kiểm toán</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Khái quát về đối tượng của kiểm toán nói chung.</i> - <i>Làm rõ các đối tượng cụ thể của kiểm toán</i> 							<p>nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 1.1 đến 1.3</p> <p>(2)</p> <p>Tham khảo các Luật KTNN, Luật KTĐL và T.Tư về KTNB</p> <p>Ở lớp:</p> <p>Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV.</p>	

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học (tiết)	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TH,TL				
	<p>1.3.3. Chủ thể và khách thể của kiểm toán:</p> <p><i>Làm rõ chủ thể của kiểm toán nói chung và các loại chủ thể kiểm toán;</i></p> <p><i>Làm rõ khách thể của kiểm toán nói chung và khách thể kiểm toán tương ứng với từng loại chủ thể kiểm toán.</i></p>								
Bài 2	<p>Chương 1.</p> <p>1.4 –Các loại kiểm toán</p> <p>1.4.1. Phân loại theo đối tượng kiểm toán trực tiếp</p> <p><i>Giới thiệu 3 loại kiểm toán: Kiểm toán BCTC; Kiểm toán tuân thủ; Kiểm toán hoạt động</i></p> <p>1.4.2. Phân loại theo chủ thể của kiểm toán</p> <p><i>Giới thiệu 3 loại kiểm toán: Kiểm toán độc lập; Kiểm toán nhà nước; Kiểm toán nội bộ</i></p> <p>1.4.3. Các cách phân loại khác</p> <p><i>Giới thiệu các loại kiểm toán theo các tiêu thức phân loại khác</i></p> <p>1.5. Quy trình và Chuẩn mực kiểm toán</p> <p>1.5.1. Quy trình kiểm toán</p>	3				7	CLO 1.1 CLO 3.2	Thuyết giảng, Phát vấn	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 1.4 đến 1.5</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV.</p>

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học (tiết)	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TH,TL				
	<p><i>Giới thiệu khái quát quy trình một cuộc kiểm toán; Lưu ý thêm quy trình kiểm toán của KTNN và KTNB</i></p> <p>1.5.2. Chuẩn mực kiểm toán</p> <p><i>Giới thiệu khái quát nội dung và vai trò của chuẩn mực kiểm toán nói chung và 3 hệ thống CMKT của KTĐL, KTNN và KTNB</i></p>								
Bài 3	<p>Chương 2. Báo cáo kiểm toán</p> <p>2.1 Báo cáo kiểm toán và ý nghĩa của báo cáo kiểm toán</p> <p>2.1.1. Khái niệm Báo cáo kiểm toán: <i>Trình bày khái niệm chung nhất về báo cáo kiểm toán</i></p> <p>2.1.2. Phân loại báo cáo kiểm toán: <i>Trình bày để phân biệt các loại báo cáo kiểm toán theo 2 tiêu thức phân loại (PL theo thông tin được kiểm toán; PL theo chủ thể của kiểm toán)</i></p> <p>2.1.3. Ý nghĩa của báo cáo kiểm toán: <i>Trình bày ý nghĩa của báo cáo kiểm toán đối với các bên có liên quan (KTV,</i></p>	3				7	CLO 1.1 CLO 3.2	Thuyết giảng, Phát vấn	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 2.1 đến 2.2</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV.</p>

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học (tiết)	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TH,TL				
	<p>Khách thể và bên thứ 3)</p> <p>2.2. Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính</p> <p>2.2.1. Nội dung của báo cáo kiểm toán về BCTC:</p> <p><i>Trình bày các nội dung chủ yếu của báo cáo kiểm toán về BCTC (của KTVĐL)</i></p>								
Bài 4	<p>Chương 2. Báo cáo kiểm toán</p> <p>2.2.2. Các loại Ý kiến nhận xét (và các loại báo cáo kiểm):</p> <p><i>Trình bày nội dung ý kiến(4 loại); điều kiện để nêu YK và ảnh hưởng của YK đến khách thể kiểm toán</i></p> <p>2.3. Báo cáo kiểm toán về kiểm toán hoạt động và kiểm toán tuân thủ</p> <p>2.3.1. Báo cáo kiểm toán về kiểm toán hoạt động:</p> <p><i>Giới thiệu những nội dung chủ yếu của Báo cáo kiểm toán về kiểm toán hoạt động.</i></p> <p>2.3.2. Báo cáo kiểm toán về kiểm toán tuân thủ:</p> <p><i>Giới thiệu những nội dung chủ yếu của Báo cáo kiểm</i></p>	2	1			6	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 3.2	Thuyết giảng, Phát vấn; Giải quyết vấn đề	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 2.2.2 đến 2.3</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV, làm bài tập</p>

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học (tiết)	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TH,TL				
	<i>toán về kiểm toán tuân thủ.</i>								
Bài 5	<p>Chương 3: Sai sót, trọng yếu và rủi ro</p> <p>3.1. Sai sót</p> <p>3.1.1. Khái niệm về sai sót</p> <p><i>Nêu nội dung các KN: sai sót, gian lận, nhầm lẫn</i></p> <p>3.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sai sót:</p> <p><i>Trình bày các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến sai sót. Hướng dẫn SV tự khái quát chiều hướng ảnh hưởng và lý giải</i></p> <p>3.1.3. Trách nhiệm của đơn vị đối với sai sót:</p> <p><i>Trình bày trách nhiệm pháp lý và các bước xử lý</i></p> <p>3.1.4. Trách nhiệm của kiểm toán viên đối với sai sót:</p> <p><i>Trình bày trách nhiệm chuyên môn và các bước xử lý.</i></p>	2			1	6	CLO 1.1; CLO 2.1; CLO 3.1; CLO 3.2	Thuyết giảng, Phát vấn, Tổ chức học tập theo nhóm	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 3.1.1 đến 3.1.4</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV, tham gia thảo luận nhóm.</p>
Bài 6	<p>3.2. Trọng yếu và mức trọng yếu</p> <p>3.2.1. Khái niệm trọng yếu và mức trọng yếu:</p> <p><i>Trình bày các</i></p>	2		1		6	CLO 1.1; CLO 2.1 CLO 3.2	Thuyết giảng, Phát vấn; Nhận xét,	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các</p>

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học (tiết)	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TH,TL				
	<p><i>KN: Trọng yếu; Mức trọng yếu</i></p> <p>3.2.2. Xác định mức trọng yếu:</p> <p><i>Trình bày nội dung và thủ tục xác định Mức TY tổng thể BCTC và mức TY thực hiện cho từng khoản mục. Ngoài ra, còn đề cập việc sửa đổi mức TY trong quá trình kiểm toán và đánh giá sai sót trong thực hiện kiểm toán (Vận dụng KN TY)</i></p> <p>+ Kiểm tra bài thứ 1</p>							Đánh giá	<p>mục từ 3.2.1 đến 3.2.2</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV. + Làm bài kiểm tra.</p>
Bài 7	<p>3.3. Rủi ro kiểm toán và các loại rủi ro liên quan</p> <p>3.3.1. Rủi ro kiểm toán :</p> <p><i>Nêu khái niệm và sự liên hệ từ các loại RR khác.</i></p> <p>3.3.2. Rủi ro tiềm tàng:</p> <p><i>Trình bày khái niệm và các nhân tố ảnh hưởng; Hướng dẫn SV tự khái quát chiều hướng a/h và lý giải</i></p> <p>3.3.3. Rủi ro kiểm soát:</p> <p><i>Trình bày khái niệm và các nhân tố ảnh hưởng; Hướng dẫn SV tự khái quát chiều hướng a/h và lý giải</i></p>	3				6	CLO 1.1; CLO 2.1 CLO 3.2	Thuyết giảng, Phát vấn;	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 3.3.1 đến 3.3.5</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi của GV</p>

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học (tiết)	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TH,TL				
	<p>3.3.4. Rủi ro phát hiện: <i>Trình bày khái niệm và các nhân tố ảnh hưởng; Khái quát chiều hướng a/h và lý giải.</i></p> <p>3.3.5. Mối quan hệ giữa các loại rủi ro <i>Trình bày MQH giữa các loại RRTT, RRKS đã được đánh giá với dự kiến RRPB cần phân đầu đạt được trong kỳ vọng RRKT là chấp nhận được; Mối QH giữa TY và RRKT và những lưu ý khi sử dụng mô hình RRKT.</i></p>								
Bài 8	<p>Chương 4. Cơ sở dẫn liệu và bằng chứng kiểm toán</p> <p>4.1. Cơ sở dẫn liệu</p> <p>4.1.1. Quá trình xử lý nghiệp vụ kinh tế và tổng hợp thông tin tài chính <i>Khái quát quá trình xử lý nghiệp vụ kinh tế và tổng hợp thông tin tài chính</i></p> <p>4.1.2. Cơ sở dẫn liệu của BCTC và ý nghĩa của CSDL</p> <p>4.1.2.1. Khái niệm CSDL <i>Trình bày khái niệm CSDL và nội</i></p>	2			1	6	<p>CLO 1.1; CLO 2.1 CLO 3.1 CLO 3.2</p> <p>Thuyết giảng, Phát vấn, Tổ chức học tập theo nhóm</p>	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 4.1.1 đến 4.1.3</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi của GV, tham gia</p>	

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học (tiết)	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TH,TL				
	<p><i>dung của các yếu tố dẫn liệu.</i></p> <p>4.1.2.2. Ý nghĩa của CSDL</p> <p><i>Trình bày ý nghĩa của CSDL đối với KiTV trong từng giai đoạn của cuộc kiểm toán</i></p> <p>4.1.3. Cơ sở dẫn liệu và mục tiêu kiểm toán</p> <p><i>Trình bày mối quan hệ giữa CSDL và mục tiêu kiểm toán</i></p>								thảo luận nhóm
Bài 9	<p>Chương 4. Cơ sở dẫn liệu và bằng chứng kiểm toán</p> <p>4.2. Bằng chứng kiểm toán</p> <p>4.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của bằng chứng kiểm toán.</p> <p><i>Trình bày KN và YN của bằng chứng kiểm toán</i></p> <p>4.2.2. Yêu cầu của bằng chứng kiểm toán.</p> <p><i>Trình bày các yêu cầu cơ bản của bằng chứng kiểm toán: Sự đầy đủ + Tính thích hợp</i></p> <p>4.2.3. Phân loại bằng</p>	2			1	6	CLO 1.1; CLO 2.1 CLO 3.1 CLO 3.2	Thuyết giảng, Phát vấn, Tổ chức học tập theo nhóm; Thuyết trình	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 4.2.1 đến 4.2.5</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi của GV, tham gia thảo luận nhóm</p>

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học (tiết)	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TH,TL				
	<p>chứng kiểm toán. Giới thiệu hai cách phân loại bằng chứng kiểm toán (theo nguồn gốc và hình thức của bằng chứng kiểm toán)</p> <p>4.2.4. Kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán. (SV thảo luận nhóm về các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán (kiểm tra, quan sát, phỏng vấn, xác nhận, tính toán lại, thực hiện lại, phân tích)</p> <p>4.2.5. Xét đoán và sử dụng bằng chứng kiểm toán</p>								
Bài 10	<p>Chương 5: Kiểm soát nội bộ và đánh giá rủi ro kiểm soát</p> <p>5.1. Kiểm soát nội bộ trong đơn vị</p> <p>5.1.1. Khái niệm và mục đích của đơn vị trong việc xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ.</p> <p>5.1.1.1. Khái niệm về kiểm soát nội bộ</p> <p>Trình bày lịch sử hình thành và phát</p>	2			1	6	<p>CLO 1.1; CLO 2.1 CLO 3.1 CLO 3.2</p> <p>Thuyết giảng, Phát vấn, Tổ chức học tập theo nhóm; Thuyết trình</p>	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 5.1.1 đến 5.1.2 + Làm BTN theo nhóm</p>	

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học (tiết)	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TH,TL				
	<p><i>triển của KSNB, khái niệm.</i></p> <p>5.1.1.2. Trách nhiệm và mục đích của DN khi thiết kế và vận hành hoạt động KSNB</p> <p><i>Trình bày nội dung 4 mục tiêu</i></p> <p>5.1.1.3. Hạn chế tiềm tàng, cố hữu của KSNB</p> <p><i>Phân tích nội dung của 5 hạn chế tiềm tàng, cố hữu của KSNB => RRKS trong đơn vị là khó tránh khỏi.</i></p> <p>5.1.2. Các mục tiêu chi tiết của KSNB đối với BCTC.</p> <p>5.1.3. Các yếu tố cấu thành KSNB và nghiên cứu KSNB trong kiểm toán BCTC.</p> <p><i>Trình bày khái niệm các yếu tố cấu thành của KSNB và các vấn đề nghiên cứu KSNB trong kiểm toán BCTC.</i></p>								<p>Ở lớp:</p> <p>Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi của GV, tham gia thảo luận nhóm</p>
Bài 11	<p>Chương 5: Kiểm soát nội bộ và đánh giá rủi ro kiểm soát</p> <p>5.2. Đánh giá rủi ro kiểm soát</p> <p>5.2.1. Tìm hiểu về KSNB và đánh giá RRKS</p>	2		1		7	CLO 1.1; CLO 2.1 CLO 3.2	Thuyết giảng, Phát vấn	<p>Ở nhà:</p> <p>SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học mục 5.2</p> <p>+ Làm BTN</p>

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học (tiết)	CĐR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TH,TL				
	5.2.2. Nội dung và trình tự đánh giá RRKS + Kiểm tra bài số 2								theo nhóm Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi của GV + Làm bài kiểm tra số 2
Bài 12	Chương 6. Phương pháp kiểm toán và kiểm toán trên cơ sở chọn mẫu 6.1. Phương pháp kiểm toán 6.1.1. Phương pháp kiểm toán chung <i>Trình bày khái niệm và trình tự áp dụng phương pháp kiểm toán chung</i> 6.1.2. Phương pháp kiểm toán - <i>Trình bày các nội dung về phương pháp kỹ thuật kiểm toán (Phương pháp kiểm toán cơ bản và phương pháp kiểm toán tuân thủ), trong đó trình bày về khái niệm, mục tiêu, đặc trưng và nội dung của từng phương pháp.</i>	2	1			7	CLO 1.1; CLO 2.1 CLO 3.2	Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề.	Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học mục 6.1 + Làm BTN theo nhóm Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập.

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học (tiết)	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TH,TL				
	- Trình bày mối quan hệ giữa các phương pháp kiểm toán và thủ tục kiểm toán trong kiểm toán BCTC.								
Bài 13	<p>Chương 6. Phương pháp kiểm toán và kiểm toán trên cơ sở chọn mẫu</p> <p>6.2. Kiểm toán trên cơ sở chọn mẫu</p> <p><i>Trình bày các nội dung về kiểm toán trên cơ sở chọn mẫu, trong đó trình bày một số khái niệm, thuật ngữ trong chọn mẫu kiểm toán, sự cần thiết kiểm toán trên cơ sở chọn mẫu, các kỹ thuật chọn mẫu phổ biến trong kiểm toán và quy trình chọn mẫu trong kiểm toán.</i></p> <p>6.2.1. Sơ lược về chọn mẫu trong kiểm toán</p> <p>6.2.2. Những kỹ thuật chọn mẫu phổ biến</p> <p>6.2.3. Quy trình kiểm toán trên cơ sở chọn mẫu</p>	2	1			7	CLO 1.1; CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.2	Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề.	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học mục 6.2</p> <p>+ Làm BTN theo nhóm</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập.</p>
Bài 14	<p>Chương 7. Các tổ chức kiểm toán và quy trình kiểm toán</p> <p>7.1. Tổ chức kiểm toán độc lập</p>	2			1	6	CLO 1.1; CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1	Thuyết giảng, Phát vấn,	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội</p>

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học (tiết)	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TH,TL				
	<p>7.1.1. Sự ra đời và vai trò của tổ chức kiểm toán độc lập.</p> <p>7.1.2. Tổ chức bộ máy và hoạt động của tổ chức KTĐL</p> <p>7.1.3. Kiểm toán viên và Hiệp hội nghề nghiệp <i>(giảng khái quát 7.1.1; 7.1.2; và 7.1.3, sinh viên chủ yếu tự nghiên cứu)</i></p> <p>7.1.4. Quy trình kiểm toán</p> <p><i>Trình bày quy trình kiểm toán BCTC do tổ chức KTĐL thực hiện; Nêu một số điểm khác biệt và lưu ý trong quy trình kiểm toán do tổ chức KTNN và KTNB thực hiện.</i></p>						CLO 3.2	Tổ chức học tập theo nhóm	<p>dung bài học mục 7.1 (3 giờ)</p> <p>+ Làm BTN theo nhóm (3 giờ)</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập, tham gia thảo luận nhóm</p>
Bài 15	<p>Chương 7. Các tổ chức kiểm toán và quy trình kiểm toán</p> <p>7.2. Tổ chức kiểm toán Nhà nước <i>(giảng khái quát, sinh viên chủ yếu tự nghiên cứu)</i></p> <p>7.2.1. Sự ra đời và vai trò của tổ chức kiểm toán Nhà nước.</p> <p>7.2.2. Tổ chức bộ</p>	1	2			7	CLO 1.1; CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.2	Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề	<p>Ở nhà: + Các nhóm hoàn thiện báo cáo BTN (7 giờ)</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả</p>

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học (tiết)	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TH,TL				
	<p>máy và hoạt động của tổ chức KTNN</p> <p>7.2.3. Kiểm toán viên và Hiệp hội nghề nghiệp</p> <p>7.2.4. Quy trình kiểm toán</p> <p>7.3. Tổ chức kiểm toán nội bộ (<i>giảng khái quát, sinh viên chủ yếu tự nghiên cứu</i>)</p> <p>7.3.1. Sự ra đời và vai trò của tổ chức kiểm toán nội bộ.</p> <p>7.3.2. Tổ chức bộ máy và hoạt động của tổ chức KTNN</p> <p>7.3.3. Kiểm toán viên và Hiệp hội nghề nghiệp</p> <p>7.3.4. Quy trình kiểm toán</p> <p>+ Chữa câu hỏi ôn tập, câu hỏi đúng sai</p>							lời câu hỏi của GV, làm bài tập, làm bài tập	
Bài 16	<p>+ Báo cáo kết quả thực hành bài tập lớn</p> <p>+ Tổng kết kiến thức HP Kiểm toán căn bản</p>	2		1		6	<p>CLO 1.1;</p> <p>CLO 2.1</p> <p>CLO 2.2</p> <p>CLO 3.1</p> <p>CLO 3.2</p>	Hướng dẫn, nhận xét, đánh giá	<p>Ở nhà:</p> <p>+ Làm BTN theo nhóm (6 giờ):</p> <p>Viết báo cáo kết quả</p> <p>Ở lớp:</p>

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học (tiết)	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TH,TL				
									+ Báo cáo/ thuyết trình BTN trên lớp
	Tổng cộng	34	5	3	6	102			

8. Nhiệm vụ của người học

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, trong phòng thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
 - Bài tập, thảo luận:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;
 - Làm bài kiểm tra định kỳ;
 - Tham gia thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO 3.1	
01 bài kiểm tra tự luận 50 phút giữa kỳ	30	Tự luận	Rubric	CLO1.1, CLO2.1	40% 60%
01 bài kiểm tra tự luận 50 phút cuối kỳ		Tự luận	Rubric	CLO1.1, CLO2.1	40% 60%
01 đánh giá tổng hợp kết		SV báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong	Rubric	CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2,	20% 30% 30%

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)
quả làm Bài tập nhóm		nhóm theo sự phân công của Trưởng nhóm.		CLO3.1, CLO3.2	10% 10%
Bài thi hết học phần: Tự luận 90 phút	60	Tự luận	Rubric	CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2	40% 50% 10%

9.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

9.3.1 Các Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	Mức chất lượng	Thang điểm %
<ul style="list-style-type: none"> – Nội dung đủ, trả lời đúng 100% các yêu cầu nội dung của yêu cầu. – Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic. – Còn vài lỗi chính tả. 	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 - 10
<ul style="list-style-type: none"> – Trả lời đúng 70-80% câu hỏi: – Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic. – Mắc ít lỗi (3-5) lỗi về thuật ngữ chuyên môn. – Có khá nhiều lỗi chính tả. 	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 – 8,4
<ul style="list-style-type: none"> – Trả lời đúng 50-60% câu hỏi: – Trình bày không rõ ý, chưa logic. – Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 5 lỗi). – Nhiều lỗi chính tả. 	Mức C (Đạt)	5,5 – 6,9
<ul style="list-style-type: none"> – Trả lời đúng 40-50% câu hỏi. – Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 60%. – Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. – Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn. – Nhiều lỗi chính tả. 	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 – 5,4
– Các trường hợp còn lại	Mức F (Không đạt)	Dưới 4,0

9.3.2 Các Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Mô tả mức chất lượng				
		Giỏi	Khá	Trung bình	TB Yếu	Kém
		8.5-10	7.0-8.4	5.5-6.9	4.0-5.4	Dưới 4.0
1.Hình thức báo cáo	10	Bố cục hợp lý, đúng quy cách	Bố cục khá hợp lý, đúng quy	Bố cục khá hợp lý, chưa đúng quy	Bố cục thiếu hợp lý, chữ nhỏ	Trình bày cẩu thả, đơn điệu.

		trình chiếu, logic	cách trình chiếu, khá logic	cách trình chiếu		
2.Nội dung báo cáo	40	Trình bày từ 85% trở lên nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày khá đầy đủ nội dung yêu cầu về chủ đề, từ 70 % đến 85 % tổng số nội dung yêu cầu	Trình bày từ 55 % đến 70 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày từ 40 % đến 55 % tổng số nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày nội dung không liên quan hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết
3.Kỹ năng trình bày	20	Trình bày rõ ràng, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe	Trình bày rõ ràng, tự tin, thuyết phục, nhưng ít giao lưu với người nghe	Trình bày rõ ràng, khá tự tin, có giao lưu với người nghe nhưng ít thuyết phục	Nói nhỏ, khá tự tin, có giao lưu người nghe nhưng không thuyết phục.	Không thuyết phục, không giao lưu với người nghe
4.Trả lời câu hỏi	10	Trả lời được □ 85 % các câu hỏi	Trả lời khá đầy đủ, 70 % đến < 85 % câu hỏi	Trả lời được trên 55 % đến < 70 % câu hỏi	Trả lời được 40 % - < 55 % câu hỏi	Không trả lời được câu hỏi nào
5.Sự phối hợp trong nhóm	20	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời; có phân chia nhiệm vụ rõ ràng; tất cả thành viên tham gia báo cáo.	Nhóm phối hợp khá tốt, có một số thành viên báo cáo và phân công rõ đóng góp của từng thành viên	Nhóm có phối hợp báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ, một số thành viên tham gia báo cáo.	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời, chỉ có một thành viên tham gia báo cáo.	Chỉ một thành viên báo cáo, không thể hiện sự kết nối trong nhóm

9.3.3 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Đạt, song cần cải thiện	Không đạt
		10-8,5	8,4-7,0	6,9-5,5	5,4-4,0	Dưới 4,0
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự trên lớp đạt trên 90% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 85-90% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 80-85% số tiết học	Tham dự trên lớp đạt 80% số tiết học	Tham dự trên lớp dưới 80% số tiết học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời từ 2 câu hỏi, chữa ít nhất 1 bài tập	Có trao đổi, phát biểu, trả lời từ 2 câu hỏi	Có trao đổi, phát biểu, trả lời 1 câu hỏi	Không trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, chữa bài tập	Không trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, chữa bài tập

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022

Viện trưởng



TS. Hoàng Văn Tường

Trưởng Bộ môn



TS. Hoàng Văn Tường

Người soạn đề cương



ThS. Nguyễn Thị Ánh Ngọc